

TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 1 NĂM 2022
- NGÀNH LỊCH SỬ -

A. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO THẠC SĨ

1. XÉT TUYỂN THĂNG BẬC THẠC SĨ

1.1. ĐỐI TƯỢNG XÉT TUYỂN THĂNG VÀ ĐIỀU KIỆN VỀ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

- Về văn bằng: đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

+ Những người **tốt nghiệp đại học chính quy ngành LỊCH SỬ hạng Khá trở lên trong thời hạn 12 tháng** (tính đến ngày nộp hồ sơ) thuộc chương trình đào tạo của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

+ Những người đã **tốt nghiệp đại học chính quy ngành phù hợp hạng Giỏi trở lên trong thời hạn 12 tháng** (tính đến ngày nộp hồ sơ)

- Về trình độ ngoại ngữ:

+ Từ năm 2022, nội dung thi Ngoại ngữ đã bị loại bỏ. Ứng viên phải đáp ứng yêu cầu về **năng lực ngoại ngữ** của chương trình dự tuyển được minh chứng bằng một trong các văn bằng, chứng chỉ cụ thể sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, ngành sư phạm ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do các đơn vị đào tạo trong ĐHQGHN cấp trong thời gian không quá 02 năm có chuẩn đầu ra về ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ để dự tuyển CTĐT thạc sĩ và thí sinh đã có chứng chỉ ngoại ngữ đáp ứng chuẩn đầu ra trước khi tốt nghiệp CTĐT trình độ đại học;

+ Một trong các Chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương **Bậc 3** trở lên theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và được ĐHQGHN công nhận, còn hiệu lực trong thời hạn 02 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

+ Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) trở lên mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của cơ sở đào tạo (nếu có) trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo. Việc xét tuyển người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào học tại ĐHQGHN được thực hiện theo Quy định về việc thu hút và quản lý sinh viên quốc tế tại Đại học Quốc gia Hà Nội được ban hành theo Quyết định số 4848/QĐ-ĐHQGHN ngày 18 tháng 12

năm 2017.

+ Các khóa đào tạo thạc sĩ tuyển sinh từ năm 2022 có chuẩn đầu ra đối với trình độ ngoại ngữ đạt từ **Bậc 4** trở lên hoặc tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

* Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc sử dụng trong tuyển sinh thạc sĩ ở ĐHQGHN

+ Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc sử dụng trong tuyển sinh thạc sĩ ở ĐHQGHN: **xem tại đây**(<https://docs.google.com/document/d/1JMXfajGiKdlkosXLs9IAHLobmmXKAFb0/edit?rtprof=true&sd=true>)

+ Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ Ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh thạc sĩ tại ĐHQGHN: **XEM TẠI ĐÂY**(https://docs.google.com/document/d/1lx5CE0_OjfOrC6iW1D12H1Vr2E0G_n-Y/edit)

1.2. THỜI GIAN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀ LỊCH XÉT TUYỂN

1.2.1. THỜI GIAN ĐĂNG KÝ

Thí sinh đăng ký trực tuyến tại địa chỉ: <http://tssdh.vnu.edu.vn> Thí sinh phải cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực trong các thông tin khai báo.

Thời gian: Từ 8h00 ngày 22/02/2022 đến 17h00 ngày 8/4/2022.

Đối với thí sinh đăng kí xét tuyển thẳng thạc sĩ ngoài việc đăng kí trực tuyến phải nộp hồ sơ theo quy định được thông báo khi đăng kí dự tuyển trực tuyến thành công theo khung thời gian trên.

1.2.2. LỊCH XÉT TUYỂN

Thời gian tổ chức xét tuyển thẳng: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn tổ chức xét tuyển thẳng sau khi kết thúc hạn đăng ký dự tuyển và trước 12h00 ngày 11/4/2022. Việc thông báo kết quả cho thí sinh sẽ được tiến hành chậm nhất 1 tuần trước khi tổ chức thi tuyển, cụ thể: **Thứ 7, ngày 16/4/2022**

2. THI TUYỂN BẬC THẠC SĨ

2.1. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

- Ứng viên phải tốt nghiệp đại học từ **Khá** trở lên hoặc các ứng viên tốt nghiệp dưới hạng Khá phải có công bố khoa học (sách, giáo trình, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành) liên quan đến lĩnh vực học tập, nghiên cứu.

- Đáp ứng yêu cầu thâm niên công tác theo đối tượng quy định trong khung chương trình đào tạo (CTĐT) của các chuyên ngành đào tạo thạc sĩ.

- Văn bằng của ứng viên tốt nghiệp đại học ngành phù hợp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải kèm theo văn bản công nhận của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Danh mục chi tiết các chuyên ngành tuyển sinh, các yêu cầu về văn bằng, điều kiện thâm niên, bổ túc kiến thức như sau:

| TT | Mã ngành đào tạo | Tên chuyên ngành đào tạo | Danh mục ngành đúng và ngành phù hợp 1 được dự thi và không phải học bổ túc kiến thức | Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức | Yêu cầu kinh nghiệm công tác | Nội dung học bổ túc kiến thức | Lịch học bổ sung kiến thức |
|------------|-------------------------|---------------------------------|--|--|-------------------------------------|--|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (7) |
| 1 | 8229010.01 | Khảo cổ học | Lịch sử/Sử phạm Lịch sử | Triết học, Đông Phương học, Quốc tế học, Việt Nam học, Khoa học Chính trị, Lưu trữ học, Nhân học, Bảo tàng học (công văn 3145/ĐHQGHN ngày 11/8/2017) | Không yêu cầu kinh nghiệm công tác | 8 môn/24 tín chỉ 1. Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 2. Lịch sử Việt Nam cận hiện đại 3. Lịch sử thế giới cổ trung đại 4. Lịch sử thế giới cận hiện đại 5. Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam 6. Cơ sở khảo cổ học Việt Nam 7. Cơ sở văn hóa Việt Nam 8. Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học | Thí sinh liên hệ qua Phòng Đào tạo (bộ phận tuyển sinh) Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN và qua Bộ phận Đào tạo Sau đại học Khoa |
| 2 | 8229010.02 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | Lịch sử | Triết học, Đông Phương học, Quốc tế học, Việt Nam học, Khoa học Chính trị, Lưu trữ học, Nhân học | Không yêu cầu kinh nghiệm công tác | 8 môn/ 24 tín chỉ 1. Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 2. Lịch sử Việt Nam cận hiện đại 3. Lịch sử thế giới cổ trung đại 4. Lịch sử thế giới cận hiện đại 5. Các dân tộc và chính sách dân tộc ở | |

| TT | Mã ngành đào tạo | Tên chuyên ngành đào tạo | Danh mục ngành đúng và ngành phù hợp 1 được dự thi và không phải học bổ túc kiến thức | Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức | Yêu cầu kinh nghiệm công tác | Nội dung học bổ túc kiến thức | Lịch học bổ sung kiến thức |
|----|------------------|-------------------------------|---|--|------------------------------------|---|--|
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| | | | | | | Việt Nam 6. Cơ sở khảo cổ học Việt Nam 7. Cơ sở văn hóa Việt Nam 8. Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học | Lịch sử để biết chi tiết kế hoạch học bổ túc kiến thức. |
| 3 | 8229010.03 | Lịch sử thế giới | Lịch sử | Triết học, Đông Phương học, Quốc tế học, Việt Nam học, Khoa học Chính trị, Lưu trữ học, Nhân học | Không yêu cầu kinh nghiệm công tác | 8 môn/ 24 tín chỉ 1. Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 2. Lịch sử Việt Nam cận hiện đại 3. Lịch sử thế giới cổ trung đại 4. Lịch sử thế giới cận hiện đại 5. Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam 6. Cơ sở khảo cổ học Việt Nam 7. Cơ sở văn hóa Việt Nam 8. Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học | Nhà trường liên tục tổ chức các lớp Bổ túc kiến thức đại học để dự thi thạc sĩ tương ứng với các đợt thi trong năm. Thí sinh thuộc đối tượng ngành |
| 4 | 8229010.04 | Lịch sử sử học và sử liệu học | Lịch sử | Triết học, Đông Phương học, Quốc tế học, Việt Nam học, Khoa học Chính trị, Lưu trữ học, Nhân học | Không yêu cầu kinh nghiệm công tác | 8 môn/ 24 tín chỉ 1. Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 2. Lịch sử Việt Nam cận hiện đại 3. Lịch sử thế giới cổ trung đại | |

| TT | Mã ngành đào tạo (1) | Tên chuyên ngành đào tạo (2) | Danh mục ngành đúng và ngành phù hợp 1 được dự thi và không phải học bổ túc kiến thức (3) | Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức (4) | Yêu cầu kinh nghiệm công tác (5) | Nội dung học bổ túc kiến thức (6) | Lịch học bổ sung kiến thức (7) |
|----|--------------------------------|--|---|--|--|---|---|
| | | | | học | | 4. Lịch sử thế giới cận hiện đại 5. Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam 6. Cơ sở khảo cổ học Việt Nam 7. Cơ sở văn hóa Việt Nam 8. Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học | gần/ngành khác phải có chứng chỉ bổ túc kiến thức đại học các chuyên ngành tương ứng mới đủ điều kiện dự thi. |
| 5 | 8229010.05 | Lịch sử Việt Nam | Lịch sử | Triết học, Đông Phương học, Quốc tế học, Việt Nam học, Khoa học Chính trị, Lưu trữ học, Nhân học | - Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) từ loại Khá trở lên không yêu cầu kinh nghiệm công tác. - Người tốt nghiệp đại học tại cột (3) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn (tính từ ngày ký Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi). | 8 môn/ 24 tín chỉ 1. Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 2. Lịch sử Việt Nam cận hiện đại 3. Lịch sử thế giới cổ trung đại 4. Lịch sử thế giới cận hiện đại 5. Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam 6. Cơ sở khảo cổ học Việt Nam 7. Cơ sở văn hóa Việt Nam 8. Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học | |

| TT | Mã ngành đào tạo | Tên chuyên ngành đào tạo | Danh mục ngành đúng và ngành phù hợp 1 được dự thi và không phải học bổ túc kiến thức | Danh mục ngành phù hợp 2 phải học bổ túc kiến thức | Yêu cầu kinh nghiệm công tác | Nội dung học bổ túc kiến thức | Lịch học bổ sung kiến thức |
|----|------------------|--------------------------|---|--|------------------------------------|---|----------------------------|
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 6 | 8229040.01 | Lịch sử văn hoá Việt Nam | Lịch sử | Triết học, Đông Phương học, Quốc tế học, Việt Nam học, Khoa học Chính trị, Lưu trữ học, Nhân học | Không yêu cầu kinh nghiệm công tác | 8 môn/ 24 tín chỉ 1. Lịch sử Việt Nam cổ trung đại 2. Lịch sử Việt Nam cận hiện đại 3. Lịch sử thế giới cổ trung đại 4. Lịch sử thế giới cận hiện đại 5. Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam 6. Cơ sở khảo cổ học Việt Nam 7. Cơ sở văn hóa Việt Nam 8. Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học | |

2.2. MÔN THI VÀ ĐIỀU KIỆN VỀ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Thí sinh dự thi môn Cơ bản và môn Cơ sở, cụ thể:

| TT | Mã số | Ngành/Chuyên ngành | Môn Cơ bản | Môn Cơ sở |
|----|------------|--------------------------------|-------------------------|------------------|
| 1. | 8229010.01 | Khảo cổ học | Phương pháp luận sử học | Lịch sử Việt Nam |
| 2. | 8229010.02 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | Phương pháp luận sử học | Lịch sử Việt Nam |
| 3. | 8229010.04 | Lịch sử Sử học và Sử liệu học | Phương pháp luận sử học | Lịch sử Việt Nam |

| TT | Mã số | Ngành/Chuyên ngành | Môn Cơ bản | Môn Cơ sở |
|----|------------|--------------------------|-------------------------|------------------|
| 4. | 8229010.03 | Lịch sử thế giới | Phương pháp luận sử học | Lịch sử Việt Nam |
| 5. | 8229010.05 | Lịch sử Việt Nam | Phương pháp luận sử học | Lịch sử Việt Nam |
| 6. | 8229040.01 | Lịch sử văn hoá Việt Nam | Phương pháp luận sử học | Lịch sử Việt Nam |

- Nội dung đề cương môn thi:

+ Môn thi cơ bản: [Xem file đính kèm](#)

+ Môn thi cơ sở: [Xem file đính kèm](#)

+ Dạng thức đề thi ngoại ngữ: **Xem tại đây** (<https://drive.google.com/file/d/0BxbwOaXsfoc4UUhFQVJ5eEwwOFE/view>)

- Trình độ ngoại ngữ:

+ Từ năm 2022, nội dung thi Ngoại ngữ đã bị loại bỏ. Ứng viên phải đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ của chương trình dự tuyển được minh chứng bằng một trong các văn bằng, chứng chỉ cụ thể sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, ngành sư phạm ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do các đơn vị đào tạo trong ĐHQGHN cấp trong thời gian không quá 02 năm có chuẩn đầu ra về ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ để dự tuyển CTĐT thạc sĩ và thí sinh đã có chứng chỉ ngoại ngữ đáp ứng chuẩn đầu ra trước khi tốt nghiệp CTĐT trình độ đại học;

+ Một trong các Chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương **Bậc 3** trở lên theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và được ĐHQGHN công nhận, còn hiệu lực trong thời hạn 02 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

+ Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) trở lên mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của cơ sở đào tạo (nếu có) trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo. Việc xét tuyển người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào học tại ĐHQGHN được thực hiện theo Quy định về việc thu hút và quản lý sinh viên quốc tế tại Đại học Quốc gia Hà Nội được ban hành theo Quyết định số 4848/QĐ-ĐHQGHN ngày 18 tháng 12 năm 2017.

+ Các khóa đào tạo thạc sĩ tuyển sinh từ năm 2022 có chuẩn đầu ra đối với trình độ ngoại ngữ đạt từ **Bậc 4** trở lên hoặc tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

* Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc sử dụng trong tuyển sinh thạc sĩ ở ĐHQGHN

+ Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc sử dụng trong tuyển sinh thạc sĩ ở ĐHQGHN: **xem tại đây**(<https://docs.google.com/document/d/1JMXfajGiKdlkosXLs9IAHLobmmXKAFb0/edit?rtpof=true&sd=true>)

+ Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ Ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh thạc sĩ tại ĐHQGHN: **XEM TẠI ĐÂY**(https://docs.google.com/document/d/1lx5CE0_OJfOrC6iW1D12H1Vr2E0G_n-Y/edit)

2.3. THỜI GIAN ĐĂNG KÝ VÀ LỊCH THI TUYỂN

2.3.1. THỜI GIAN ĐĂNG KÝ

Thí sinh đăng ký trực tuyến tại địa chỉ: <http://tssdh.vnu.edu.vn>. Thí sinh phải cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực trong các thông tin khai báo.

Thời gian: từ 8h00 ngày 22/02/2022 đến 17h00 ngày 08/04/2022

2.3.2. LỊCH THI TUYỂN

| TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ | | |
|-------------------------|---|---------------------------|
| STT | Công việc | Thời gian |
| 1 | Tập trung thí sinh và thi môn Cơ bản | Sáng thứ Bảy, 16/04/2022 |
| 2 | Thi môn Cơ sở | Chiều thứ Bảy, 16/04/2022 |

2.4. THỜI GIAN ĐÀO TẠO CHUẨN:

- Đối với đào tạo thạc sĩ: 2 năm.

B. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ

1. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

| TT | Mã số | Ngành/Chuyên ngành | Ngành/chuyên ngành đúng/phù hợp 1 | Ngành/chuyên ngành phù hợp 2 |
|-----------|--------------|---------------------------|--|-------------------------------------|
|-----------|--------------|---------------------------|--|-------------------------------------|

| TT | Mã số | Ngành/Chuyên ngành | Ngành/chuyên ngành đúng/phù hợp 1 | Ngành/chuyên ngành phù hợp 2 |
|----|------------|--------------------------------|--|--|
| 1. | 9229010.01 | Khảo cổ học | Lịch sử/Khảo cổ học | Lịch sử sử học và sử liệu học, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Lịch sử thế giới, Lịch sử Việt Nam. |
| 2. | 9229010.02 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | Lịch sử/Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | Lịch sử sử học và sử liệu học, Khảo cổ học, Lịch sử thế giới, Lịch sử Việt Nam. |
| 3. | 9229010.04 | Lịch sử sử học và sử liệu học | Lịch sử/ Lịch sử sử học và sử liệu học | Khảo cổ học, Lịch sử thế giới, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Lịch sử Việt Nam. |
| 4. | 9229010.03 | Lịch sử thế giới | Lịch sử/Lịch sử thế giới | Lịch sử sử học và sử liệu học, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Khảo cổ học, Lịch sử Việt Nam. |
| 5. | 9229010.05 | Lịch sử Việt Nam | Lịch sử/Lịch sử Việt Nam | Lịch sử sử học và sử liệu học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Khảo cổ học, Lịch sử thế giới. |

2. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH VÀ ĐIỀU KIỆN VỀ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

| TT | Mã số | Các ngành tuyển sinh | Phương thức xét tuyển | Yêu cầu về Ngoại ngữ |
|----|------------|--------------------------------|---|--|
| 1. | 9229010.01 | Khảo cổ học | Xét tuyển qua đánh giá Hồ sơ chuyên môn | Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 4 trở lên (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam), được ĐHQGHN công nhận còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển (danh sách các loại chứng chỉ và cơ sở cấp chứng chỉ xem tại nội dung điều kiện ngoại ngữ với người dự tuyển thạc sĩ tại mục I) |
| 2. | 9229010.02 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | Xét tuyển qua đánh giá Hồ sơ chuyên môn | |
| 3. | 9229010.04 | Lịch sử sử học và sử liệu học | Xét tuyển qua đánh giá Hồ sơ chuyên môn | |
| 4. | 9229010.03 | Lịch sử thế giới | Xét tuyển qua đánh giá Hồ sơ chuyên môn | |
| 5. | 9229010.05 | Lịch sử Việt Nam | Xét tuyển qua đánh giá Hồ sơ chuyên môn | |

- Danh mục hồ sơ chuẩn bị đăng kí tuyển sinh tiến sĩ: Xem tại đây (https://docs.google.com/document/d/1_85mYtyNQ7jp_Kq5byFOzZL7iELM5mTd/edit)

- Mẫu hồ sơ đăng kí xét tuyển: Xem tại đây (<https://drive.google.com/drive/folders/1CkLcEBujztP1020Tt07xistKJZozvUeE>)

3. THỜI GIAN ĐĂNG KÝ VÀ LỊCH ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ CHUYÊN MÔN

3.1. THỜI GIAN ĐĂNG KÝ

Thí sinh **xét tuyển tiến sĩ** đăng ký trực tuyến tại địa chỉ: <http://tssdh.vnu.edu.vn>. Thí sinh phải cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực trong các thông tin khai báo.

Thời gian: từ 8h00 ngày 22/02/2022 đến 17h00 ngày 08/4/2022.

Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển tiến sĩ ngoài việc đăng ký trực tuyến phải nộp hồ sơ theo quy định được thông báo khi đăng ký dự tuyển trực tuyến thành công theo khung thời gian trên.

3.2. LỊCH ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ CHUYÊN MÔN

Thời gian: Từ ngày 18/04 đến 28/04/2022

4. THỜI GIAN ĐÀO TẠO CHUẨN:

- Đối với đào tạo tiến sĩ: 03 năm đối với người có bằng thạc sĩ; 04 năm đối với người chưa có bằng cử nhân loại Giỏi trở lên

C. LỆ PHÍ VÀ PHƯƠNG THỨC NỘP LỆ PHÍ

1. ĐỐI VỚI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO THẠC SĨ: 300.000đ/thí sinh

2. ĐỐI VỚI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ: 260.000đ/thí sinh (xét tuyển từ thạc sĩ), 500.000đ/thí sinh (xét tuyển từ cử nhân)

Lưu ý: Không hoàn lại lệ phí dự tuyển nếu thí sinh rút hồ sơ dự tuyển hoặc không tham gia dự tuyển

3. HÌNH THỨC VÀ ĐỊA ĐIỂM NỘP LỆ PHÍ DỰ THI

-Chuyển khoản:

+ Đơn vị thụ hưởng: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

+Số tài khoản: **2221.0000.656.899**; tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Thanh Xuân (BIDV Thanh Xuân)

Khi chuyển khoản ghi rõ các thông tin: Họ và tên; Ngày sinh; Mã ĐKDT, chuyên ngành dự thi Thạc sĩ hoặc Tiến sĩ

- Nộp trực tiếp tại Trường Đại học KHXH & NV, ĐHQGHN

D. THÔNG TIN LIÊN HỆ

1. PHÒNG ĐÀO TẠO (BỘ PHẬN TUYỂN SINH TRƯỜNG):

- Phòng Đào tạo - bộ phận tuyển sinh (phòng 601 nhà E), Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 336 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội.

+ Điện thoại hỗ trợ tuyển sinh: (024) 3858.3957 - Hotline (Zalo): 0912.708.840

- + Website tuyển sinh: <http://tuyensinh.uss.edu.vn>
- + Email: tuyensinhdsd.uss@gmail.com
- + Fanpage Trường ĐHKHXH&NV: <https://www.facebook.com/tuyensinhdsd.USSH>
- + Fanpage Khoa Lịch sử: <https://www.facebook.com/khoalichsu.xhmv>

2. BỘ PHẬN ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC, KHOA LỊCH SỬ:

-Tầng 3 nhà B, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 336 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội

- + Điện thoại hỗ trợ tuyển sinh: (024) 38585284
- + Điện thoại hỗ trợ tuyển sinh: 0949903468 (ThS.Trịnh Văn Bằng)

E. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ TUYỂN SINH

Thí sinh vui lòng nghiên cứu kỹ chi tiết thông báo tuyển sinh: **Xem tại đây**(<http://ts.uss.edu.vn/thong-bao-tuyen-sinh-thac-si-tien-si-dot-1-nam-2022.html>)